

ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TrTCN, ngày /01/2026 của Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Hạng đào tạo	Học phí/01 học viên - Theo QĐ số 1789 ngày 30/12/2025; QĐ số 1759 ngày 23/12/2025	Mức tăng (đồng)	Học phí mới/01 học viên theo Quyết định này
I	Hạng B - Số tự động			
1	Khoá 29 - 32	17.875.000		17.875.000
2	Khoá 33 trở đi	17.875.000	1.075.000	18.950.000
II	Hạng B - Số cơ khí			
1	Khoá 11	18.200.000		18.200.000
2	Khoá 12	18.190.000		18.190.000
3	Khoá 13 trở đi	18.190.000	805.000	18.995.000
III	Hạng C1			
1	Khoá 03	20.545.000		20.545.000
2	Khoá 04 - 05	20.525.000		20.525.000
3	Khoá 06 trở đi	20.525.000	1.275.000	21.800.000
IV	Đối với các khoá lưu ban			
1	Khoá 111B11 - 118B11	18.125.000		Căn cứ vào số lượng nhiên liệu chưa cấp và đề nghị từ trung tâm để tính phần thu tăng hoặc giảm giá xăng dầu cho học viên
2	Khoá 119B - 120B (STĐ)	17.900.000		
3	Khoá 121B - 122B (STĐ)	17.855.000		
4	Khoá 05 - 06B (STĐ)	17.905.000		
5	Khoá 07 - 08B (STĐ)	18.085.000		
6	Khoá 09 - 10B (STĐ)	18.030.000		
7	Khoá 11 - 26B (STĐ)	18.005.000		
8	Khoá 27 - 28B (STĐ)	17.920.000		
9	Khoá 331B2 - 334B2	18.440.000		
10	Khoá 335B (SCK)	18.205.000		
11	Khoá 336B (SCK)	18.170.000		

12	Khóa 03B (SCK)	18.390.000		
13	Khóa 04B (SGK)	18.375.000		
14	Khóa 05B - 10B (SCK)	18.320.000		
15	Khoá 289C - 292C	21.120.000		
16	Khóa 01C1	20.730.000		
17	Khóa 02C1	20.645.000		

Lưu ý:

1. Đối với học viên các khóa lưu ban đã đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp các khóa trước đó nhưng vắng thi hoặc thi trượt thì được giữ nguyên mức học phí đến thời điểm dự thi.

2. Đối với học viên lưu ban các khóa thì căn cứ vào số lượng xăng, dầu chưa cấp và giá nhiên liệu theo quyết định hiện hành để tính phần thu tăng hoặc giảm giá xăng dầu cho học viên.